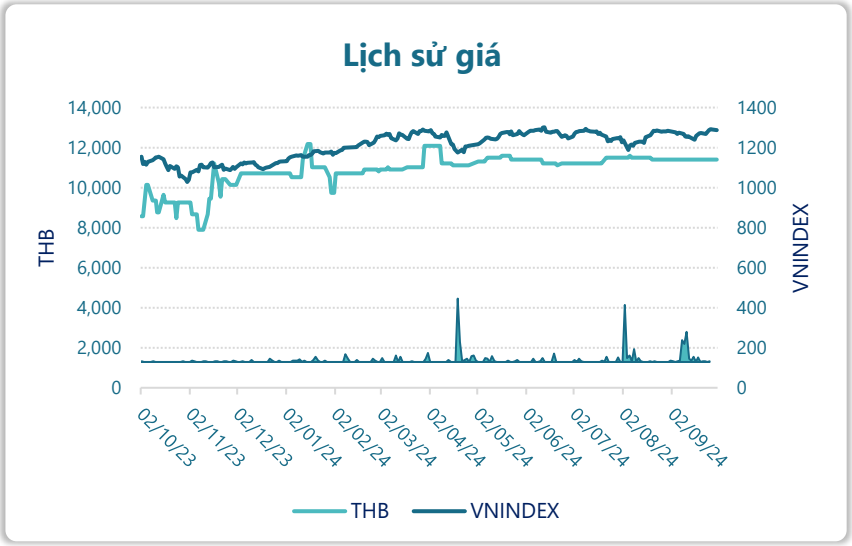
FireAnt

CTCP Bia Hà Nội - Thanh Hóa (HNX: THB)



Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,179
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,892
SL cổ phiếu LH	11,424,570
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	134
P/E	41.7
EPS	281

DT thuần

Q3/24

454

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0| 3.2%

YoY: ▲ 26.0| 6.1%

LN sau thuế

Q3/24

5.29

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.57| 42.1%

YoY: ▲ 0.06| 1.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/24

1.4%

DT thuần

9T 2024

1,172

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 136| 13.1%

LN sau thuế

9T 2024

1.36

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.80| -56.9%

ROE

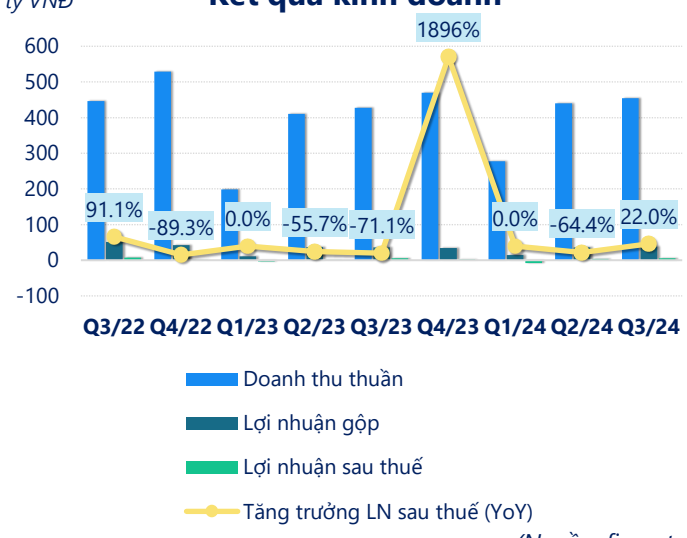
Q3/24

2.2%

+/- YoY: ▼ 0.1%

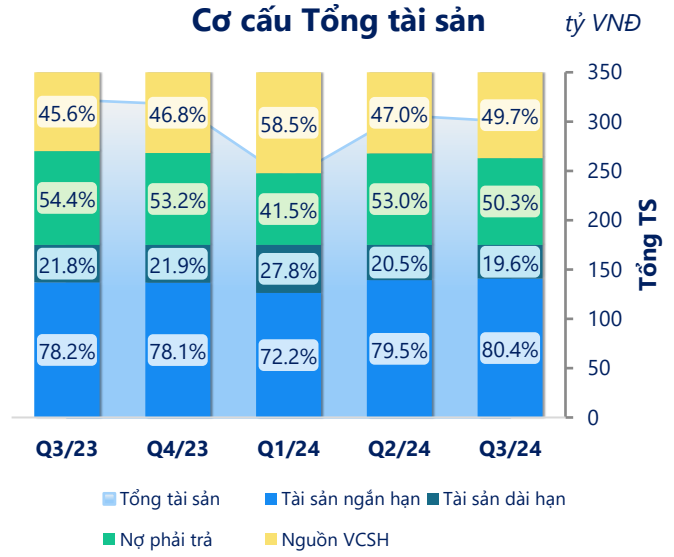
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



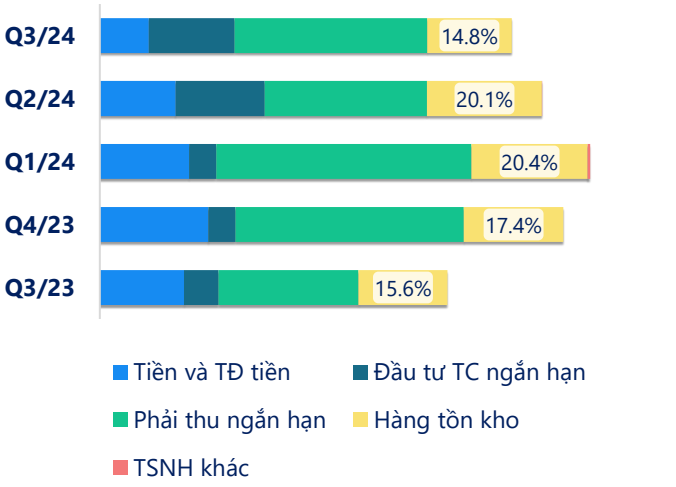
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



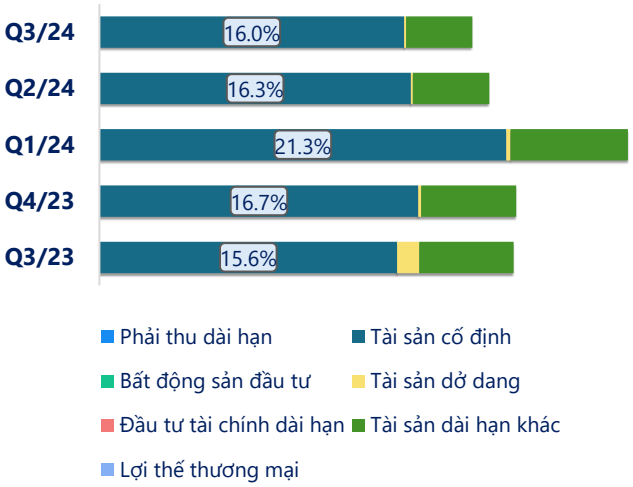
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



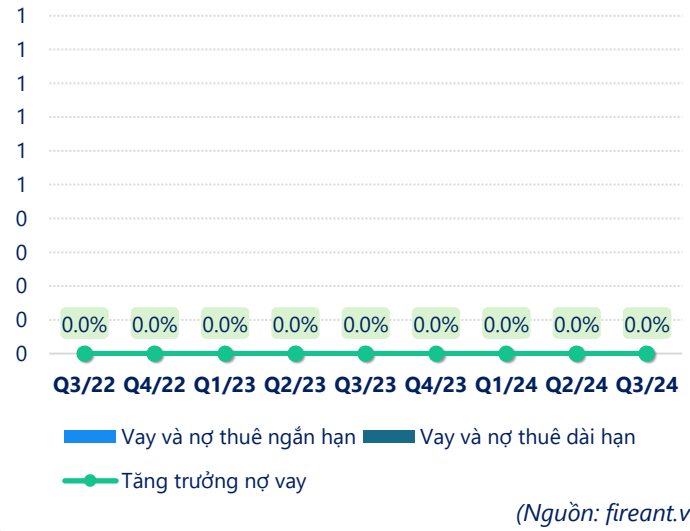
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



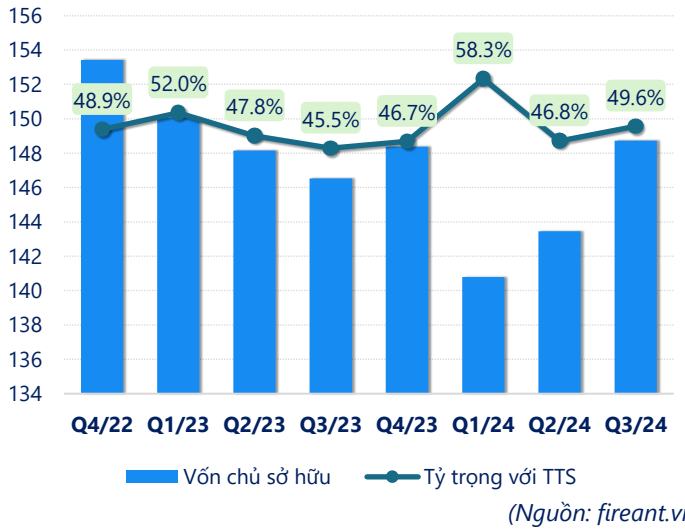
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



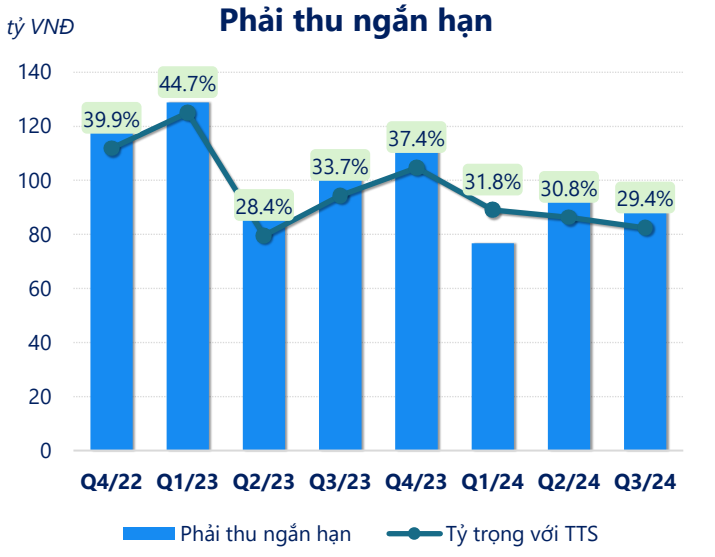
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



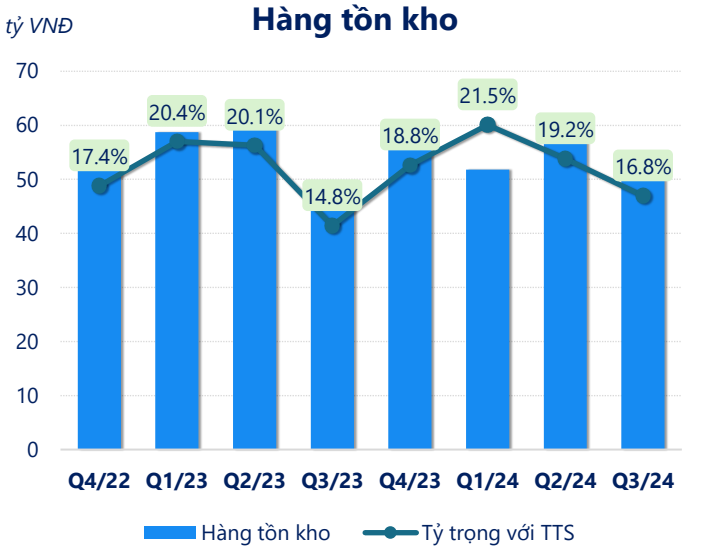
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



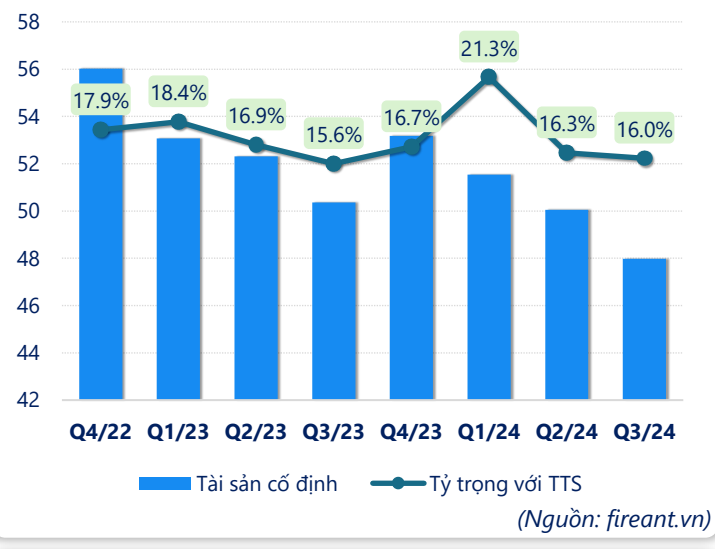
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



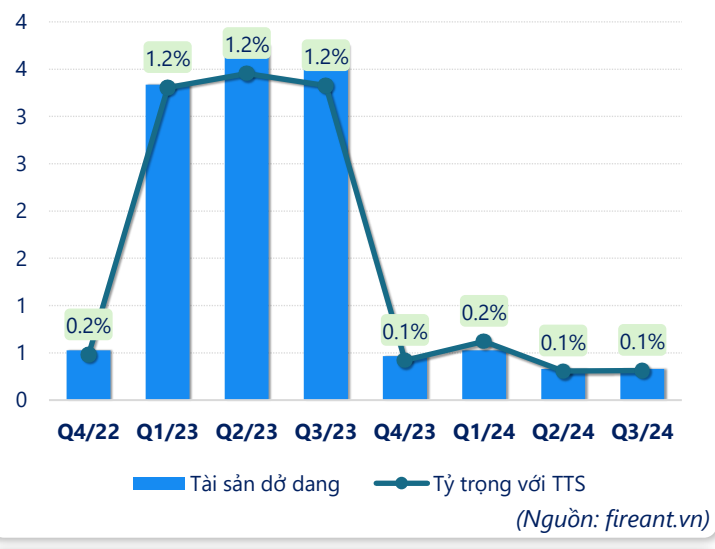
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



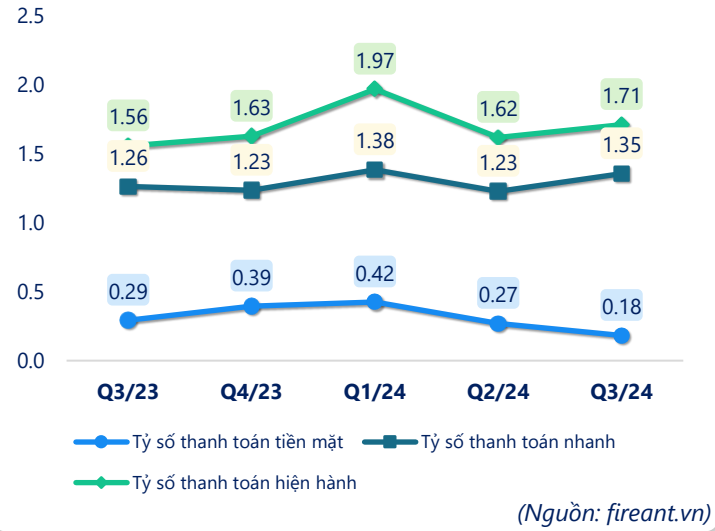
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



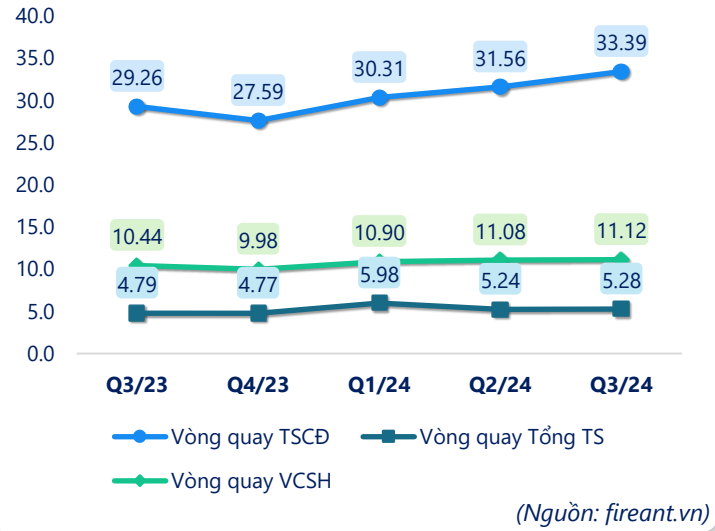
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Tổng tài sản	**322**	**318**	**241**	**306**	**300**
Tài sản ngắn hạn	**252**	**248**	**174**	**244**	**241**
Tiền và tương đương tiền	47.4	60.3	37.7	40.6	25.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	48.4	9.34	8.16	49.0	77.1
Phải thu ngắn hạn	109	119	76.7	94.4	88.3
Hàng tồn kho	47.7	59.7	51.8	58.9	50.3
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0.07	0.79	0.02
Tài sản dài hạn	**70.1**	**69.5**	**67.0**	**62.7**	**58.7**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	50.4	53.2	51.5	50.1	48.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.75	0.47	0.52	0.33	0.33
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	16.0	15.9	14.9	12.3	10.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**175**	**169**	**100**	**162**	**151**
Nợ ngắn hạn	**162**	**153**	**88.7**	**151**	**141**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	53.4	45.8	34.2	44.9	33.8
Nợ dài hạn	13.3	16.3	11.6	11.9	9.90
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**147**	**149**	**141**	**144**	**149**
Vốn chủ sở hữu	**147**	**148**	**141**	**143**	**149**
Vốn điều lệ	114	114	114	114	114
Kinh phí và quỹ khác	0.39	0.39	0.39	0.39	0.39

(Nguồn: fireant.vn)